TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/DS-ST
Ngày: 26 tháng 6 năm 2017
"V/v tranh chấp
hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mý.

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 26 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2017/QĐST-DS ngày 13/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967; địa chỉ: 300 đường T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1965; cùng trú tại địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, bà T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2017, Bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2017, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16 tháng 5 năm 2017, Biên bản hòa giải ngày 16 tháng 5 năm 2017 và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ngày 26 tháng 8 năm 2016, Bà có cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T vay số tiền 55.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết Giấy mượn tiền, không thỏa thuận về lãi suất, ông T và bà T hẹn trong tháng 02 năm 2017 sẽ hoàn trả số tiền trên. Đến hết tháng 02 năm 2017, ông T và bà T không thực hiện việc trả tiền như cam kết nên Bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T và bà T phải trả cho bà số tiền nợ 55.000.000 đồng.

Sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì đến ngày 12/6/2017 ông T và bà T có trả được cho bà được số tiền 2.600.000 đồng, như vậy nay ông T và bà T chỉ còn nợ Bà số tiền 52.400.000 đồng. Vì vậy nay Bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà T trả cho Bà số tiền còn nợ là 52.400.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông T và bà T xin được trả số tiền trên thành nhiều lần thì Bà không đồng ý. Bà không yêu cầu về lãi suất.

Trong Bản tự khai ngày 13 tháng 4 năm 2017, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16 tháng 5 năm 2017, Biên bản hòa giải ngày 16 tháng 5 năm 2017, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Ông có nợ bà D số tiền 55.000.000 đồng. Đây là số tiền lãi của khoản tiền mà Ông vay của bà D trước đó để trả nợ ngân hàng. Thời hạn trả nợ số tiền 55.000.000 đồng là trong tháng 02 năm 2017. Đến hạn Ông không trả được nợ. Do điều kiện kinh tế khó khăn, Ông đề nghị bà D cho Ông trả khoản nợ trên theo thời hạn 03 tháng trả 01 lần, mỗi lần 7.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Số tiền vay 55.000.000 đồng nêu trên là do cả hai vợ chồng (ông T và bà T) cùng vay của bà D.

Trong Bản tự khai ngày 13 tháng 4 năm 2017, Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 16/5/2017, bị đơn là bà Đỗ Thị T trình bày :

Bà đồng ý với ý kiến của chồng bà là ông Trần Văn T trong Bản tự khai ngày 13 tháng 4 năm 2017.

Bà có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các chứng cứ, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp, hòa giải của Tòa án huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai về việc bà D yêu cầu vợ chồng Bà phải trả số tiền 55.000.000 đồng. Nhưng vì lý do công việc gia đình, Bà không thể đến Tòa án để làm việc nên Bà xin Tòa án nhân dân huyện Ia Grai giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt Bà. Bà khẳng định mọi ý kiến của chồng Bà chính là ý kiến của Bà.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện; Giấy mượn tiền ngày 26 tháng 8 năm 2016; Chứng minh nhân dân, hộ khẩu Nguyễn Thị D; Bản tự khai của Nguyễn Thị D, Trần Văn T, Đỗ Thị T; Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 16/5/2017 của bà Đỗ Thị T; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/5/2017; Biên bản hòa giải ngày 16/5/2017.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Các bên đã thống nhất được về số tiền nợ.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất:

- Bà D yêu cầu ông T và bà T phải trả ngay thành một lần số tiền nợ.

- Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông T và bà T yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo thời hạn 03 tháng trả 01 lần, mỗi lần trả 7.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2017 của bà Nguyễn Thị D có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây được viết là BLTTDS). Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T về việc yêu cầu trả nợ khoản tiền vay 55.000.000 đồng mà Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đang tiến hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị D thấy rằng: Bà có cho ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T vay khoản tiền 55.000.000 đồng. Việc cho vay này được xác thực bằng "Giấy mượn tiền" đề ngày 26/8/2016 do người mượn là ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T ký.

Xét, hợp đồng dân sự vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay, nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự (sau đây được viết là BLDS).

[3] Xét yêu cầu của ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T yêu cầu bà D cho Ông, Bà được trả dần số tiền nợ 55.000.000 đồng theo thời hạn 03 tháng trả 01 lần, mỗi lần 7.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét, yêu cầu này của bị đơn không phù hợp với quy định của pháp luật về nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 BLDS và cũng không được nguyên đơn chấp nhận theo quy định tại Điều 409 BLDS (thực hiện hợp đồng đơn vụ), nên yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa bà D trình bày: Vào ngày 12/6/2017, ông T và bà T có trả được cho bà được số tiền 2.600.000 đồng, nay ông T và bà T chỉ còn nợ bà D số tiền 52.400.000 đồng. Vì vậy bà D chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà T trả cho bà D số tiền còn nợ là 52.400.000 đồng.

[5] Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc xử buộc ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 52.400.000 *(Năm mươi hai triệu, bốn trăm nghìn)* đồng là đúng pháp luật.

[6] Do nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về lãi suất chậm trả do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của bà D được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí D sự sơ thẩm; ông T và bà T phải chịu toàn bộ tiền án phí D sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D. Buộc ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 52.400.000 *(Năm mươi hai triệu, bốn trăm nghìn)* đồng.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.620.000 *(hai triệu, sáu trăm hai mươi nghìn)* đồng. Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 1.375.000 *(Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0000265 ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hà